

## ĐẠO VÀ THANH KHÍ CỦA NHÓM XUÂN THU NHÃ TẬP

Đỗ Thị Cẩm Nhung<sup>1,2</sup>, Phạm Phương Chi<sup>3</sup>

**Tóm tắt:** *quan niệm về Đạo và Thanh khí là hạt nhân trong quan niệm nghệ thuật của nhóm Xuân Thu nhã tập. Nó có liên quan với quan niệm về đạo của tư tưởng phương đông. Bài viết này tìm hiểu khái niệm Đạo và Thanh khí của nhóm Xuân Thu nhã tập trong liên hệ với hai một phạm trù này theo quan điểm của văn hoá, tư tưởng phương Đông. Từ đó, bài viết khẳng định, Đạo và Thanh khí trong Xuân Thu nhã tập có sự tiếp thu nội dung khái quát và cách thức diễn đạt các khái niệm Đạo và Khí của triết học phương Đông, đặc biệt là Trung Quốc. Sự tiếp thu này có mục đích là nhấn mạnh xu hướng tôn thờ thơ thuần túy, tinh khiết của nhóm và sự đề cao đối với vai trò của trực giác, tiềm thức đối với sáng tác thơ ca. Tác phẩm “Màu thời gian” là hiện thân điển hình cho quan điểm Đạo và Thanh khí của nhóm.*

**Từ khóa:** *Đạo, Thanh khí, Xuân Thu nhã tập, “Màu Thời gian”*

### 1. MỞ ĐẦU

Xuân thu nhã tập được các nhà nghiên cứu Việt Nam thống nhất khẳng định có một vị trí đặc biệt quá trình luôn cách tân, đổi mới của thơ ca hiện đại Việt Nam. Nói như tác giả Trần Huyền Sâm và Nohire Munehiro, đây là một hiện tượng nghệ thuật tiên phong với quan niệm và thực thành thơ ca [12, tr.70]. Tác giả Trần Huyền Sâm phân tích quan niệm về thơ của nhóm Xuân Thu nhã tập để tìm ra những nỗ lực cách tân của nhóm nghệ thuật này. Tác giả nhấn mạnh vào những lí luận về mối quan hệ giữa thơ với văn xuôi, giữa thi nhân và bạn đọc, và giữa thơ ca với âm nhạc, hội họa trong quan niệm về thơ của nhóm nghệ thuật này [12]. Tác giả vẫn giá cho rằng sự ra đời của nhóm Xuân Thu nhã tập trong bối cảnh của “một sự tự thức tỉnh, một nhu cầu muốn cải tạo thơ ca hiện hành, để tìm một tiếng thơ khác hơn” so với thơ mới và để xây dựng một nền thơ đặc trưng của dân tộc, không bị ảnh hưởng bởi nền văn hóa thực dân phương Tây [7]. Tuy nhiên, các bài viết hiện tại về quan niệm thơ của nhóm Xuân Thu nhã tập chưa đi sâu tìm hiểu hai khái niệm được coi là hạt nhân trong quan niệm thơ của nhóm là Đạo và Khí. Tác giả vẫn giá có đề cập đến khái niệm đạo trong bài viết của mình, và cho rằng quan niệm thơ của nhóm Xuân Thu nhã tập mang “màu sắc huyền hoặc” [7]. Tác giả Trần Huyền Sâm cho rằng việc nâng thơ lên khái niệm đạo cho thấy quan niệm thơ mang tính chất tôn giáo của nhóm Xuân Thu nhã tập [12]. Bài viết này phân tích khái niệm Đạo và Thanh khí, vốn

<sup>1</sup> Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn, thành phố Đà Nẵng

<sup>2</sup> Nghiên cứu sinh, Học viện Khoa học Xã hội

<sup>3</sup> Viện Văn học – Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

được xuất hiện nhiều lần, trong những bối cảnh khác nhau trong các tuyên ngôn thơ ca của nhóm nghệ thuật này, từ đó tìm hiểu quan niệm thơ nghệ thuật của họ. Bài viết cũng phân tích tác phẩm *Màu thời gian* của nhà thơ Đoàn Phú Tứ như là một minh chứng cho cách hiểu về Thanh khí và Đạo trong quan niệm thơ của nhóm Xuân Thu nhã tập. Bài viết khẳng định rằng, Đạo và Thanh khí trong Xuân Thu nhã tập có sự tiếp thu nội dung khái quát và cách thức diễn đạt các khái niệm Đạo và Khí của triết học phương Đông, đặc biệt là Trung Quốc. Sự tiếp thu này có mục đích là nhấn mạnh xu hướng tôn thờ thơ thuần túy, tinh khiết của nhóm và sự đề cao đối với vai trò của trực giác, tiềm thức đối với sáng tác thơ ca.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Quan niệm về "đạo" của nhóm Xuân Thu nhã tập

*Xuân Thu nhã tập* đã tiếp thu quan điểm về đạo của Đạo giáo để luận giải quan điểm về thơ, về công việc của người làm thơ... Song, đạo trong *Xuân Thu nhã tập* không phải là một tôn giáo. Đúng hơn, nó là lòng *sùng tín thiêng liêng* đối với thơ, với công việc của người làm thơ.

Không thể phủ nhận sự xuất hiện dày đặc của các từ ngữ, hình ảnh rất quen thuộc của Đạo giáo, Phật giáo trong tuyên ngôn của nhóm *Xuân Thu nhã tập*: giác ngộ, số kiếp luân hồi, cát bụi, "không", cõi vô cùng, giải thoát, chân lí của Số mệnh, âm dương... Nhưng sự xuất hiện của các thuật ngữ, hình ảnh này chủ yếu diễn đạt *những điều hằng tôn thờ, sùng tín được đẩy lên tuyệt đối, thuần túy*. Điều này có thể thấy ngay trong cách thức cấu tạo từ ngữ của bản tuyên ngôn. Họ không dùng một chữ "bản ngã" để chỉ *cái tôi* cá nhân nghệ sĩ mà dùng "bản ngã cuối cùng", "bản ngã thuần túy", nghĩa là bản ngã *phía sau* bản ngã, bản chất *phía sau* bản chất. Cũng như để diễn đạt khái niệm thấu hiểu, họ dùng chữ "giác ngộ" (mà không dùng ngay chữ *thấu hiểu*), nghĩa là cái thấu hiểu *phía sau* thấu hiểu thông thường.

*Xuân Thu nhã tập* muốn đẩy đến *tận cùng bản chất vạn vật – cái bản chất cuối cùng và duy nhất – cái bản chất ở bề sâu nhất, xa nhất phía sau cái bản chất thông thường* mà trí tuệ con người có thể nhận biết. Theo đó, mọi yếu tố tham gia vào quá trình sáng tạo cũng phải đạt *phẩm chất thuần túy, trong trẻo* – nghĩa là ở trạng thái *tột cùng của sự thật, tột cùng của bản chất*. Đạo chính là *khái niệm dùng để diễn đạt sự sùng tín và những yêu cầu tối thượng với thơ*.

Nếu coi đạo trong quan niệm của *Xuân Thu nhã tập* tôn giáo thì nên hiểu Tôn giáo đó như là "một loại giải thích về ý nghĩa tột cùng của đời sống" [13, tr.220], "là cái quan tâm của loài người đối với cái tột cùng" [13, tr.220]. Nói cách khác, đạo chính là quan điểm thẩm mỹ chi phối quan niệm thơ của Xuân Thu nhã tập. Mặc dù khái niệm Đạo được

trình bày trực tiếp trong một số đoạn, như “Đạo, cái lẽ cuối cùng”, “Đạo, cái đệ nhất nguyên lý,” song, thiết nghĩ, công thức thể hiện rõ nhất quan điểm Đạo của Xuân Thu nhã tập là: TRONG = Đẹp = Thật.

“TRONG” ở đây, vừa mang hàm nghĩa sắc màu, chỉ sự vật có thể nhìn thấu suốt bên trong như: hương hoa, chất ngọc, sắc xuân, hương thu,...; vừa mang hàm nghĩa sắc thái thâm mỹ *đạo* đức, gồm: “một cử chỉ vô lý do”, “một thủ đoạn trong treo”, “một ý tưởng vô tư lợi”. Nét nghĩa thứ hai của chữ “TRONG” có sự tương đồng với quan niệm về hành động “vô tư” của *đạo Yoga*. Theo đó, hành động “vô tư” được hiểu là hành động không có dục vọng, hành động không cầu được hưởng kết quả của hành động. Mặt khác, quan niệm về hành động “vô tư” của Xuân Thu nhã tập cũng có sự tương đồng với quan niệm về điều kiện tiếp cận *Đạo*: “Cần phải rửa sạch trái tim, xa lánh dục vọng” [5, tr.69], về con đường tiếp cận *Đạo* – sống thuận theo tự nhiên – **vô vi** của của *Đạo giáo*. Tuy nhiên, hành động “vô tư” ở đây cần hiểu cụ thể hơn ở chỗ: nếu như, trong *Đạo giáo* hay *Yoga*, dục vọng là ranh giới phân chia hành động vô cầu và hành động hữu cầu thì, với Xuân Thu nhã tập, vô thức, trực giác là ranh giới phân chia hành động trong treo và hành động vụ lợi. Điều này, Xuân Thu nhã tập đã khẳng định vừa trực tiếp: “Nội giới ta, dưới mặt sáng sủa của ý thức (chí là phần tương đối, ích lợi...) còn có những lớp dày đặc của tiềm thức và vô thức”, vừa gián tiếp qua yêu cầu về rung động thơ: “rung động *tức khắc*, sự gặp gỡ *đột nhiên*, sự hiển dâng *không nghĩ* trở về”. Như vậy, “TRONG” là **khái niệm chỉ những hành động diễn ra trong vô thức, theo trực giác**. Tuyệt đối hoá cái “TRONG”, coi nó là cái Đẹp, là nơi duy nhất diễn ra sự giác ngộ, sự giao lưu với khởi nguyên sự vật; nơi tìm ra chân lý cuối cùng, lẽ sống muôn đời, Xuân Thu nhã tập đồng nhất “TRONG” và *Đạo*. Sự tôn sùng vô thức, trực giác sẽ chi phối quan niệm nghệ thuật của Xuân Thu nhã tập.

“Thật” theo quan điểm của Xuân Thu nhã tập gồm hai cấp độ nghĩa. Cấp độ thứ nhất, là thực với lòng mình. Nhưng, nó không phải là phẩm chất của nhân cách mà là một sự say mê, sự toàn tâm toàn ý hướng về cái Đẹp, tức là: “phải gột rửa những căn bã vương óc mình”, phải “rất kiên nhẫn...để quên để thấy”. Đây là một yêu cầu tối cao về **mức độ tuyệt đối** của lẽ hiển dâng, của niềm say mê, nhiệt thành. Quan điểm này đẩy phạm trù “thật” lên ngang bằng phạm trù *đạo*. Cấp độ thứ hai, “thật” là “cái lẽ thật muôn đời”. Hiểu như thế này, “thật” đồng nhất với *đạo*.

Như vậy, Xuân Thu nhã tập đã tuyệt đối hoá vai trò của hai phạm trù “thật, trong” (coi nó ngang bằng phạm trù đẹp) và đẩy lên tận cùng các nét nghĩa của khái niệm. Do đó, *Đạo* vừa chính là bản thân hai khái niệm đó khi nó được sùng thượng thành quan niệm thâm mỹ thiêng liêng; ta có công thức: trong = đẹp = thật = *đạo*. Mặt khác, *Đạo* cũng là hệ quả của xu hướng đẩy lên tột cùng hàm nghĩa của hai khái niệm; ta có công thức trong =

đẹp= thật  $\Rightarrow$  đạo. Do quan niệm nâng cái trong, thật, đẹp lên thành Đạo, Xuân Thu nhã tập bộc lộ  *tinh thần duy mỹ*.

Quan niệm Đạo như trên chúng ta còn thấy trong định nghĩa về Thơ của Xuân Thu nhã tập. Xuân Thu nhã tập coi Thơ là Đạo. Điều này thể hiện qua hàng loạt nhận định có hình thức câu định nghĩa: “Thơ là Đạo, cái đệ nhất nguyên lí, sẽ sáng tạo vạn vật khi đã chia âm dương”, “Thơ là ...cái hình ảnh sự khắc khoải bất diệt của muôn vật: cõi Vô cùng”...; dưới hình thức một câu kệ: “nó (thơ) bắt gặp Hình – Nhi – Thượng, đưa đến Tôn – giáo, và thực hiện ái – Tình, nghĩa là Vô – biên. Thơ, Tình – yêu, Tôn – Giáo đều nở bung trong tuệ giác”... Công thức sáng tạo Thơ: “Đạo – Âm + Dương – Sáng tạo – Rung động – Thơ – Đạo” của Xuân Thu nhã tập có nét tương đồng với chu trình vận hành Đạo trong triết học Lão Trang. Qua các dẫn chứng trên, có thể thấy Xuân Thu nhã tập tôn sùng Thơ, tuyệt đối hoá Thơ, coi thơ là hiện diện của lẽ thật muôn đời, cõi cao siêu bất tử – Đạo, mỗi lời thơ như “lời cầu, ...lời than” lời của Vô cùng, của Tuyệt đối – hướng đến Đạo, mỗi nhà thơ là giáo sĩ, mỗi người đọc là tín đồ. Với Xuân Thu nhã tập, thơ là nơi gửi gắm lòng tin; là nơi diễn ra cuộc đối thoại với cõi vĩnh hằng, Đáng chí tôn.

Nguyên lí Đạo thể hiện trong quan niệm của Xuân Thu nhã tập về *Thiên chức*. Theo đó, hành trình quay về Đạo – thống hợp với thế giới bản nguyên được vận dụng để chỉ hành trình trở về cái Ta trong quan niệm của Xuân Thu nhã tập.

Xuân Thu nhã tập phân ra hai trạng thái sống của con người: trạng thái cái Tôi và trạng thái cái Ta. Cái Ta tồn tại ở giai đoạn đầu và giai đoạn cuối. Giai đoạn đầu, cái Ta tồn tại “vô hình,... hoà trong sức sống vô hình của vạn vật”. Giai đoạn tiếp theo, cái Tôi xuất hiện đồng thời với sự *suy thoái* của cái Ta, tức là khi cái Ta buộc mình trong vòng đời ô trọc, tách biệt với thiên nhiên. Cuối cùng, cái Ta lại xuất hiện đồng thời với sự *thăng hoa* của cái Tôi, tức là cái Tôi rũ bỏ mọi ràng buộc, hoà vào lẽ sống của vạn vật “cảm thông với sự thật của Trời Đất, sự Tuyệt Đối” – hoà lẫn với Đạo. Như vậy, hành trình trở về cái Ta là kết quả của quá trình giác ngộ Đạo – thấu hiểu lẽ hoà hợp của vũ trụ. Hơn nữa, hành trình trở về cái Ta đó còn chính là bản thân quá trình quay về Đạo, hoà tan trong Đạo: “Ta đã tan trong Trời – Đất, Trời – Đất đã nằm trong Ta”. Như thế, Ta là Đạo, Đạo là Ta. Hành trình quay về cái Ta theo quan điểm của Xuân Thu nhã tập có sự tương đồng với quan điểm giác ngộ Đạo trong Đạo giáo. Đạo giáo cho rằng, cái đích cuối cùng của việc tu luyện cá nhân là hoà làm một với Đạo, nhờ thế mà đạt được sự bất tử vĩnh hằng. Một trong những kinh sách Đạo giáo là *Tiêu dao kinh* cũng nói: “Cái nghiệp của chân đạo, không suy không yếu, bất tử trường sinh, mong mỗi thông qua việc tu luyện mà đạt được đến là cùng với Đạo hoà làm một, tồn tại mãi cùng trời đất” [19, tr.359].

Như vậy, Xuân Thu nhã tập đã đẩy lên tận cùng thiên chức của người nghệ sĩ. Theo đó, nghệ sĩ phải giác ngộ Đạo, hoà trong đạo. Đồng thời với sự giác ngộ Đạo, nghệ sĩ trở

thành một hành thể thông suốt tĩnh tại tương thông với chân lí muôn đời – do đó, nó tồn tại trường tồn cùng chân lí. Hành trình trở về cái Ta theo cách hiểu như vậy chính là hành trình *hướng về cõi tâm linh*. Vấn đề này cũng đã được *Trường thơ Loạn*, nhóm thơ *Dại Đài*... trình bày trong tuyên ngôn nghệ thuật của mình dưới hình thức khác nhau. Nó có cơ sở xã hội là hoàn cảnh đất nước trước Cách mạng và là kết quả của tâm trạng bế tắc, muốn trốn tránh thực tại của tầng lớp thanh niên trí thức bấy giờ.

Mặt khác, *Đạo* còn chi phối quan điểm của Xuân Thu nhã tập về cội nguồn của quá trình sáng tạo thơ: trực giác, cảm xúc. Theo Xuân Thu nhã tập, rung động là cội nguồn của thơ. Bản chất của rung động là trực giác. Trực giác theo cách hiểu của Xuân Thu nhã tập không chỉ là sự thấu nhập bản chất của sự vật một cách trực tiếp, tức thì “rung động tức khắc, sự gặp gỡ đột nhiên” (điều này đã trình bày ở trên) **mà còn là sự hoá thân đạt mức thần diệu, kì bí**: “Thi sĩ cảm trong một chiếc lá, khi đã nằm hẳn trong chiếc lá, hoà trộn trong cùng cái lẽ thật muôn đời”. **Trực giác được nâng lên thành trạng thái thăng hoa** – khoảnh khắc con người thấu hiểu chân lí của vũ trụ. Một mức độ khác của trực giác là: sau khi nắm bắt được bản chất cuối cùng của sự vật, nghệ sĩ có thể từ điểm nhìn của bản chất đó mà hướng ra ngoại giới, nhìn ngoại giới bằng con mắt của sự vật đó: “Thi sĩ từ trong chiếc lá mà rung động ra ngoài”. Thực chất, đây là **sự tuyệt đối hoá cái nhìn từ bên trong, cái nhìn tâm linh**. Chỉ với cái nhìn của tâm linh – vốn đã thấu cảm bản chất vạn vật – thi sĩ mới nhận chân được chân lí cuối cùng của vũ trụ.

Thật thú vị khi ta bắt gặp sự tương đồng giữa quan điểm về cội nguồn Thơ của Xuân Thu nhã tập với quan điểm về con đường nhận biết *Đạo* của Đạo giáo. Đạo giáo cũng đặc biệt đề cao vai trò của trực giác, tức là con người chỉ nhận biết *Đạo* khi hoà vào dòng *Đạo*: “bản thân *Đạo* thì chỉ có thể nhận biết bằng trực giác bởi tâm và chỉ có thể nhận biết khi tắt cả *hoà vào dòng Đạo*”. Theo Đạo giáo, con người không thể nhận biết được *Đạo* nhưng bằng việc *hoà vào dòng Đạo*, bằng cái nhìn của *Đạo*, con người nhận chân ra sự thực: “nằm trong cõi mịt mù của bóng tối bí ẩn (*Đạo*) nhìn ra vô số sự vật và nhận thức được chúng” [5, tr.25]. Hơn nữa, quan điểm sáng tác thơ như một sự “thần khái”: “Một nỗi đau ấp ủ đã lâu, đến một ngày vì quá đầy, quá đậm đã làm cho chấn động hoàn toàn tâm trí...Thi sĩ thấy cần thốt lên một lời than, một lời Thơ...” của Xuân Thu nhã tập còn gặp gỡ Đạo giáo ở quan niệm về động lực của sáng tạo. Theo Đạo giáo, con người không nhận biết được *Đạo* nhưng “năng lực tưởng tượng về một sự nhận thức vạn năng, siêu cảm tính lại đi gần đến *Đạo*, nhờ sự hoà hợp với nó, nhờ sự khám phá ra một số “nội khiếu” nào đó mà thông qua chúng nảy sinh ra một sự siêu nghiệm – trong trường hợp này *nảy sinh ra một một lối thoát hướng ra các hiện tượng ngoại giới*” [5, tr.25]. Với Xuân Thu nhã tập, sau khi “trộn trong cùng cái lẽ thật muôn đời” – *Đạo*, khám phá ra cái “tinh túy muôn vật...cái chất thơ muôn nguồn gốc” – một số “nội khiếu” của

*Đạo*, nghệ sĩ có nhu cầu được truyền lan những phát hiện nhờ rung động bằng bằng ngôn từ “thật” và “đẹp” – lối thoát hướng ra một hiện tượng ngoại giới. Như vậy là gần hoàn tất chu trình sáng tạo thơ.

Có thể kết luận, với quan niệm *Đạo* như một niềm sùng tín, Xuân Thu nhã tập đã tôn vinh Thơ, coi Thơ là tôn giáo của nghệ sĩ. Với quan niệm *Đạo* như một xu hướng tuyệt đối hoá các phẩm chất, năng lực thiên bẩm của nghệ sĩ, những yêu cầu của thơ ca, Xuân Thu nhã tập thể hiện khát vọng trả lại cho thơ giá trị tự nó – giá trị thuần túy. Quan điểm có mục đích là tìm cho thơ một vị trí xứng đáng trong đời sống con người: vị trí của những chân lí cuối cùng, sự thật muôn đời.

\*\*\*

Xuân Thu nhã tập đã tiếp thu quan điểm về *đạo* của Đạo giáo để luận giải quan điểm về thơ, về công việc của người làm thơ. Song, *đạo* trong Xuân Thu nhã tập không phải là một tôn giáo. Đúng hơn, nó là lòng **sùng tín thiêng liêng** đối với thơ, với công việc của người làm thơ. Nói cách khác, nếu coi *đạo* trong quan niệm của Xuân Thu nhã tập tôn giáo thì nên hiểu Tôn giáo đó như là “một loại giải thích về ý nghĩa *tột cùng* của đời sống” “là cái quan tâm của loài người đối với *cái tột cùng*” (Trương Khiết, chuyển dẫn tr. 220, 10). Nói chung, Xuân Thu nhã tập muốn đẩy đến **tận cùng bản chất vạn vật – cái bản chất cuối cùng và duy nhất – cái bản chất ở bề sâu nhất, xa nhất phía sau cái bản chất thông thường** mà trí tuệ con người có thể nhận biết. Theo đó, mọi yếu tố tham gia vào quá trình sáng tạo cũng phải đạt **phẩm chất thuần túy, trong trẻo** – nghĩa là ở trạng thái **tột cùng của sự thật, tột cùng của bản chất. Đạo chính là khái niệm dùng để diễn đạt sự sùng tín và những yêu cầu tối thượng với thơ.**

## 2.2. Quan niệm về “Thanh khí” của nhóm Xuân Thu nhã tập

Nếu coi *Đạo* là hạt nhân trong quan niệm nghệ thuật của Xuân Thu nhã tập thì quan niệm về *Thanh khí* lại là hạt nhân của quan niệm *Đạo*.

Cuốn *Từ điển Hán Việt từ nguyên* (NXB Thuận Hoá, 1999) giải thích khái niệm *Thanh khí* trên hai phương diện. Thứ nhất, từ phương diện từ nguyên: thanh là tiếng, *khí* là hơi. Thứ hai, từ phương diện là một khái niệm triết học, chữ *Thanh khí* được lấy từ *Kinh dịch*: “Đồng thanh tương ứng, đồng *khí* tương giao”(hoặc tương cầu). Câu này có nghĩa: cùng một thứ tiếng trả lời lại với nhau, cùng một thứ *khí*, cái vô hình mà cảm ứng với nhau được, qua lại với nhau được. Từ đó, *Thanh khí* được dùng để chỉ sự cảm ứng của vạn vật cùng một loài trong trời đất, sự giao thiệp của những người bạn cùng chí hướng. *Thanh khí* với ý nghĩa là sự hô ứng giữa các vật cùng loại trong vũ trụ cũng được cuốn *Từ điển văn hoá cổ truyền Trung Hoa* đề cập thông qua thuật ngữ “*Khí* đồng tác tòng”. Theo cuốn này, Lã Thị Xuân Thu là người đầu tiên đưa ra quan điểm: “*Cùng loại*

gọi nhau, cùng khí hợp nhau, thanh hoà thì ứng”. Công Tôn Hoàng thời Võ đế Tây Hán cho rằng, cơ sở để Trời và người cảm ứng là “cùng khí ắt theo nhau”. Ông viết: “Cùng khí ắt theo nhau, thanh hào ắt ứng nhau. Nay chúa hoà đức ở trên, trăm họ hoà hợp ở dưới, nên tâm hoà ắt khí hoà, khí hoà ắt hình hoà, hình hoà ắt thanh hoà, thanh hoà ắt trời đất cũng hoà vậy” [14, tr.1328]

Cách hiểu về *Thanh khí* như vậy được Nguyễn Du vận dụng trong *Truyện Kiều* qua lời Tiểu Thanh:

“Thưa rằng *Thanh khí* xưa nay

Mới cùng nhau lúc ban ngày đã quên”

Bùi Ki chú thích chữ “*Thanh khí*” như sau: “Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu: cùng một thanh thì hợp nhau, cùng một khí thì tìm đến nhau” [2, tr.24]. I. X Lixêvich khi bàn về phạm trù *khí* trong *Tư tưởng văn học cổ Trung Hoa* đã lấy quy luật cộng minh - quy luật chi phối thế giới của người Trung Quốc cổ đại để kết luận về *khí*. *Khí* là mối liên thông không trở ngại của những sự vật khác nhau về bản chất: “Đối với các cấu trúc cùng loại được dệt nên từ *ete* vũ trụ và trôi nổi trong bể *khí* thì khoảng cách không phải là trở ngại – sự xung động của một cấu trúc sẽ được lan truyền không gặp trở ngại tới một số cấu trúc khác và thế giới là vô vàn mối liên hệ bên trong được sinh ra do bản tính của *khí*” [5, tr.57].

Như vậy, theo cách hiểu truyền thống, mối liên thông, cảm ứng của các sự vật cùng loại được gọi là *Thanh khí*. Xuân Thu nhã tập có hẳn một mục bàn về *Thanh khí*. Quan điểm về *Thanh khí* của Xuân Thu nhã tập vừa tương đồng với cách hiểu truyền thống vừa bổ sung thêm nét nghĩa mới.

Thứ nhất, *Thanh khí* trong quan điểm của Xuân Thu nhã tập, là **mối liên thông giữa con người và vũ trụ, nhịp sống cá nhân và nhịp sống thiên nhiên**. Như vậy, nếu Đạo là bản nguyên tinh thần thì *Thanh khí* là **mối liên thông, cảm ứng giữa các bản nguyên tinh thần đó**. Mối liên thông phải đạt đến mức **đồng vọng, nhịp nhàng**. Quan niệm này thể hiện ở sự xuất hiện dày đặc các cụm từ cùng trường nghĩa *tương giao*: “*nhịp nhàng* với cuộc sống lớn của vũ trụ”, “*cảm thông* với nguồn Đời vô tận”, “*hoà lẫn* với khinh thanh”, “*cảm thông* trong một làn rung động”, “*cùng* dất nhau tìm một nguồn sống”, “*chung nhau cùng* một nỗi băn khoăn”...Vạn vật vì có mối liên thông mà hô ứng nhau. Con người cùng ý hướng, tâm nguyện thì dù xa nhau ngàn trùng cũng tìm đến nhau, giao hoà trong cái tâm nguyện chung ấy. Quan niệm *Thanh khí* như vậy còn thể hiện ngay ở việc lựa chọn hai mùa *xuân thu* làm tên nhóm. Vì đó là “hai mùa rung động *cảm thông* người với Trời Đất, Trời Đất với người”.

Quan niệm đó được thể hiện rõ nhất qua hình ảnh những vì sao. Theo Xuân Thu nhã tập, “hạnh phúc thực chỉ nên và chỉ có thể quan niệm như những đốm sao lấp lánh. Tìm một cõi phúc sáng lộng như mặt trời, ôi ảo tưởng”. ánh sáng của vì sao là ***cái đẹp nảy sinh từ sự tương giao*** với ánh sáng của muôn vàn tinh tú khác. Một bầu trời chỉ đẹp khi có nhiều vì sao cùng lấp lánh. ánh sáng sao chỉ tìm thấy sự màu của mình trong sự giao hào cùng giàn ánh sáng của triệu triệu vì sao khác. Xuân Thu nhã tập không lấy độ đậm – nhạt của ánh sáng làm tiêu chuẩn của cái Đẹp mà lấy ***sự tương giao, hài hoà làm cơ sở***

Thứ hai, quan niệm về *Thanh khí* chi phối cách lí giải quá trình sáng tạo thơ. Đầu tiên là quá trình tạo *Thanh khí* giữa “hồn thơ” và “vật nên thơ”. Đây là quá trình thi sĩ phát hiện và rung động trước cái đẹp của vạn vật. Theo Xuân Thu nhã tập, cái đẹp có ở khắp nơi nhưng chỉ trở thành “vật nên thơ” khi tạo được mối liên thông với nghệ sĩ. Người sáng tạo cũng vậy, chỉ trở thành *thi nhân* khi giao hoà cùng *vật nên thơ* ấy. Như vậy, ***thơ chỉ xuất hiện khi tạo được Thanh khí*** (tất nhiên, thơ hiểu theo nghĩa tột cùng của nó)

Quá trình tiếp theo là tạo *Thanh khí* giữa *thi sĩ* và *thi nhân*. Đây là quá trình sáng tạo và tiếp nhận thơ. Theo Xuân Thu nhã tập, người có “hồn thơ” chỉ trở thành *thi sĩ* khi tạo được mối giao hoà cảm thông từ phía người đọc bằng việc tạo cho mối tương thông (*Thanh khí*) ở giai đoạn đầu một hình thức cụ thể. Cái đích của việc tạo lời thơ “thật” và “đẹp” không nằm ngoài ý nguyện tạo lập mối tương thông giữa các điệu hồn: “tôi muốn gởi những tâm hồn nọ một *khúc nhạc tương tiên*”. Việc Xuân Thu nhã tập ví *bài thơ* là một *sự* – “sự truyền điện” – kết quả của sự giao hoà đã thành; ví *thi sĩ* là “bộ dẫn điện âm dương” – cái nguồn của mối giao hoà đã chỉ rõ sự hiện diện của *Thanh khí* trong quá trình sáng tạo thơ. Theo Xuân Thu nhã tập, người đọc chỉ trở thành *thi nhân* khi đồng điệu với tâm hồn *thi sĩ*. Mỗi đồng điệu này được cụ thể hoá qua cơ chế của quá trình tiếp nhận thơ. Xuân Thu nhã tập yêu cầu sự tiếp nhận của người đọc phải đạt mức *tái tạo*: “người đọc phải là “thi nhân” tái tạo vũ trụ bài thơ tạo ra”. Có thể khác nhau giữa thế giới của thi sĩ và thi nhân nhưng điều quan trọng là giữa họ đã có ***sự đồng điệu về tâm hồn và năng lực sáng tạo***: “người đọc...ít ra cũng phải được lên dây cùng cung bậc với cây đàn (đồng điệu về tâm hồn), với thi sĩ”. Như vậy, ***tạo được Thanh khí giữa thi sĩ và thi nhân là hoàn tất một chu trình sáng tạo***.

Tuy nhiên, *Thanh khí* trong sáng tạo theo quan điểm của Xuân Thu nhã tập thu hẹp trong mối liên thông giữa những con người có *thiên khiếu*: “chất thơ...cốt đàn...nòi tình”. Theo đó, chỉ những cá thể được tuyển lựa mới tạo được *Thanh khí*, nghĩa là mới bước vào cõi Thơ – cõi thuần túy – cõi Đạo. Quan điểm này yêu cầu nâng cao tính trí tuệ, chuyên sâu cho hoạt động nghệ thuật. Nhưng, nó thu hẹp phạm vi tác động của nghệ thuật, làm nghệ thuật trở nên xa lạ với số đông công chúng.



Như vậy, *Thơ được tạo từ Thanh khí, là cội tạo Thanh khí*. Khi *Thanh khí* hình thành – “cảm xúc chuyển từ người thơ sang độc giả, hoà hợp hai lẽ siêu hình”, “con sông thơ lộng một trời mới” thì cả cội đời nhip trong cội thơ, chan hoà giao hoà nhau dưới trời thơ bát ngát. Và ở cái khoảnh khắc diễn ra “sự giao hợp ...hoàn thành” đó ***cũng là lúc con người tiến dần đến Đạo, chan hoà trong Đạo***. Mặt khác, khi *Thanh khí* được tạo thành, nó ***mở rộng biên độ tồn tại của những xúc cảm thơ***, không chỉ là mối đồng cảm giữa thi sĩ và thi nhân mà còn là mối đồng cảm giữa một người và muôn người trong “*những vô biên mới, những vĩnh viễn ngày mai*”. Vì thế, ***nếu Đạo kiếm tìm chân lí vĩnh cửu của vạn vật thì Thanh khí chính là giải pháp đạt chân lí vĩnh cửu***.

Mối quan hệ giữa *Đạo* và *Thanh khí* như trên có thể nêu khái quát bằng ý kiến của I.X. Lixêvich khi nhận định về mối quan hệ hai phạm trù *Đạo* và *Khí* trong *Tư tưởng văn học Trung Hoa*: “Khái niệm triết học *Khí*...cùng với *Đạo*, nó thuộc vào số các nguyên tố kích thích chủ yếu của quá trình sáng tạo. Sự khác biệt toát ra từ vị trí và các thuộc tính của *Đạo* và *Khí* trong mô hình chung về thế giới, trong đó *Đạo* là *...cội nguồn có vận động*, còn *khí* là *yếu tố mang vận động*; *Đạo* là cái siêu thức, đồng nghĩa với “*hư không*”, còn *khí* là một thực thể và có *tính khách quan*” [5, tr.53]. Như vậy, với Xuân Thu nhã tập, ***Thanh khí là con đường đắc Đạo*** – cội thơ thuần khiết, thuần túy. *Thanh khí* với tư cách này khiến cho khái niệm *Đạo* của Xuân Thu nhã tập dường như thần bí, hư vô có được cơ sở khách quan. Tuy nhiên, ngay trong khi xác định phạm trù *Thanh khí*, ý niệm *Đạo* – xu hướng đẩy lên tuyệt cùng mọi giá trị, mọi năng lực và phẩm chất văn chi phối. Điều này khiến cho *Thanh khí* chỉ được hiểu là sự đồng điệu của những thiên khiếu, những tri thức trác việt. Cách hiểu như vậy thu hẹp phạm vi tồn tại của thơ ca.

Một vấn đề khác đặt ra khi tìm hiểu khái niệm *Thanh khí* của Xuân Thu nhã tập là: yếu tố nào làm cơ sở cho *Thanh khí*? Tất nhiên, cơ chế tạo *Thanh khí* là sự đồng vọng “đồng ý, đồng chí, đồng tình”. Song, không phải cùng chí, cùng cảm xúc là tạo thành *Thanh khí*. “Thơ là cái gì huyền ảo, tinh khiết”, do đó nó chỉ thâm nhập những ***cảm xúc, những tình cảm cùng phẩm chất: tinh khiết***. Trong vô vàn cung bậc của thế giới tâm hồn con người: cảm xúc, tình cảm, ý chí, tư tưởng...có tham gia vào quá trình sáng tạo Thơ, Xuân Thu nhã tập tập trung vào cung bậc ***cảm xúc***. Bởi, theo họ, “có rung động là có thơ. Phải cần và chỉ cần có rung động”. *Rung động* cùng cung bậc với xúc cảm. Từ đây, *Thanh khí* còn có một nét nghĩa khác, ***nét nghĩa cơ sở: sự xúc cảm thanh khiết***.

Quan niệm về *Thanh khí* như vậy liên quan đến cách lí giải “***sự sống***” theo quan điểm của Xuân Thu nhã tập. Xuân Thu nhã tập có nhiều lần nói đến chữ “sống”. Theo họ, “sống, đó là tất cả huyền bí của cuộc sống”. Ở đây, Xuân Thu nhã tập tập trung vào ***tình trạng chết của những xúc cảm, rung động; tình trạng trơ lì*** trước vạn vật: “vòm gió cuốn đông uốn cong bóng sáu bên thềm”. Sống, theo quan niệm của Xuân Thu nhã tập

chỉ thực sự bắt đầu khi tâm hồn ngân rung cảm xúc như cây đàn chỉ thực sự sống khi ngân rung giai âm, ngọn nến chỉ sáng khi toả cháy lên để toả sáng, mặt hồ chỉ sáng khi xao xuyên gợn sóng (Chu Văn Sơn, 10). Theo đó, rung cảm là sự sống người. ***Thanh khí chính là những rung cảm đó.***

Đồng nhất *Thanh khí* với sự sống người là một trong những luận điểm của khái niệm triết học *Khí* trong *Tư tưởng văn học cổ Trung Hoa*. Theo đó, năng lượng *khí* được hiểu là “một thứ *năng lượng sống* tuần hoàn trong cơ thể con người” [5, tr.27]. *Khí* vận động, do đó, nó là dấu hiệu của sự sống. *Khí* mất vận động, tức là mất *khí*, đó là dấu hiệu của chết chóc. Nếu như theo quan điểm của văn hóa cổ Trung Hoa, tiêu điểm *khí* của là *trái tim* thì theo quan điểm của *Xuân Thu nhã tập*, tiêu điểm *khí* là *rung động*. Tuy nhiên, rung động cũng là một cung bậc của trái tim. Nó cũng là dấu hiệu của sự sống.

Đoàn Phú Tứ có quan niệm tương tự. Tác giả phủ định tính mục đích, cầu lợi của hành trình sống: “Ta muốn quan niệm một cuộc sống không lấy hạnh phúc làm đích”. Bởi hành động có mục đích bị vắn đục bởi lí trí và làm méo mó nhân cách con người. Sự sống đích thực nằm trong rung động “nhịp nhàng với cuộc sống lớn của vũ trụ, cao quý và đường bệ”, nghĩa là rung động nhịp cùng và vươn tới cái Tuyệt đối. Không phải mọi rung động đều có thể nhịp cùng *cuộc sống lớn*. Nó phải là những ***rung động thanh khiết, thanh cao, siêu việt, vô tư***. Và ngay hành trình nhịp cùng lẽ tự nhiên đó cũng đem đến cho rung động sự thuần khiết, trong trẻo. Như vậy, theo *Xuân Thu nhã tập*, ***chỉ những rung động cao siêu, thanh khiết, thanh cao mới là sự sống người. Thanh khí là những rung động cao siêu, thanh khiết, thanh cao***

Đây là nét nghĩa cơ sở của khái niệm *Thanh khí* theo quan niệm của *Xuân Thu nhã tập*. Bởi chỉ những xúc cảm thuần khiết – chân thành hiển dâng cho cái Đẹp mới tìm gọi được mối lương duyên trong nhân gian.

Quan niệm về Đạo và *Thanh khí* cho thấy các thành viên của nhóm *Xuân Thu nhã tập* đề cao rung động thơ, xúc cảm thơ với tư cách ***phản ứng của tâm thể con người trước tác động của mọi vật***. Quan niệm Đạo và *Thanh khí* của *Xuân Thu nhã tập* còn thể hiện qua thực tiễn sáng tác. *Màu thời gian* là sự thể hiện sáng tạo quan niệm Đạo và *Thanh khí* đó.

Đạo và *Thanh khí* của bài thể hiện qua sự “***trầm tư thuần phúc*** trên một chủ đề văn chương xưa”. ***Đạo và Thanh khí ở đây chính là sự rung động thanh khiết, trong trẻo thanh cao trước cái đẹp – cái đẹp mang tính chất phi không gian, phi thời gian***. Thao tác pháp nghệ thuật thể hiện rõ nhất quan niệm trên là việc ***đẩy đến tận cùng vai trò tương giao của các giác quan***. Theo đó, các phạm trù đối lập nhau giao thoa trong một điệu hồn rung động. Đó là sự tương giao giữa cái vô hình và hữu hình (thời gian màu tím, thời gian

xanh, gió xanh), cái vô tình và hữu tình (trong gió có “thoảng xuân tình”), đặc biệt là cái *xưa và nay*.

Thời gian ở đây không phải là một dòng chảy tuyến tính. Nó ngưng đọng. Những hình sắc xưa, những số phận xưa, những tình cảm cố nhân vẫn tươi trong, phập phồng nồng ấm trong hiện tại. Điều này thể hiện qua sự đối lập của cặp từ “trăm năm”, “một thuở” – “vương” của hai câu thơ: “Duyên trăm năm đứt đoạn/ Tình một thuở còn vương” và qua điệu thơ “hoàn toàn xưa”. Hình ảnh “nghìn trùng”, “phụng quân vương”, “thiếp – chàng” kèm theo cấu trúc câu thơ thất ngôn khiến cho tất cả không *khí* xưa như đang diễn ra trong hiện tại. Ranh giới xưa và nay bị xoá nhoà.

Mặc dù, tên bài thơ là thời gian (*Màu thời gian*), danh từ *thời gian* xuất hiện rất lớn (7 từ trong một bài thơ ngắn), mọi hình ảnh đều “phảng phất nhuốm thời gian” *song ý niệm về thời gian bị đẩy xuống hàng thứ yếu để làm nổi lên sự tương giao của những điệu hồn – Cái đẹp nằm ở sự tương giao*. Thời gian với các đặc tính “trong”, “thanh” chỉ là môi trường làm thông suốt cho những điệu hồn cùng “duyên – tình” tìm đến nhau. Như vậy, với Đoàn Phú Tứ, thời gian không phải là lực cản của đồng điệu. Cứ cùng một tâm tình thì tìm đến nhau. Vì thế, giữa “ta” và “Tàn phi” hay Dương Quý Phi không còn khoảng cách mà giao hoà trong làn rung động thuần khiết, thanh cao. Đó cũng chính là *Thanh khí* của bài thơ vậy.

Hơn nữa, trong khoảnh khắc giao hoà, cái đã xưa, đã mất tìm được *sự sống vĩnh viễn* trong một điệu hồn hiện tại; điệu hồn hiện tại cũng tìm *lẽ sống cuối cùng* của mình trong những số phận đã đi vào tiềm thức của nhân loại; họ cùng nhau bước tới cõi vĩnh hằng – chan hoà trong *Đạo*. Nói *Thanh khí* là con đường “giác ngộ” *Đạo* là như vậy.

*Đạo* và *Thanh khí* của *Màu thời gian* còn thể hiện qua các hình ảnh bị đẩy đến tận cùng của tính chất *trong, nhẹ, siêu thoát*: *tiếng chim thanh, gió xanh, trời mây phảng phất nhuốm thời gian, hương thời gian, màu thời gian tím ngắt...*, những động từ chỉ động tác khẽ khàng, dịu dàng: *vương, diu, nhuốm, nép*, qua vần *anh* liên tiếp gợi ấn tượng thanh thoát, thanh cao và đặc biệt qua các điệp đặt phủ định, có tính chất *nói giảm, nói tránh*: *không nồng, không xanh*, qua thanh bằng khuôn vần luyến láy: *thanh – xanh, vương – hương* tạo chất nhạc diu dặt. Tất cả đều nhằm diễn tả thế giới lí tưởng theo quan niệm của Đoàn Phú Tứ – thế giới “huyền ảo, tinh khiết, cao siêu” – cõi *Đạo*. Đứng trước cái thế giới thanh cao, hư ảo ấy không thể dùng lí trí phân tích giảng giải. Tâm hồn phải *lắng lọc* đến mức *trống rỗng*, cùng ngân rung những xúc cảm thuần khiết, những khát khao chân thành hướng về cái Đẹp mới cảm nhận thấy trời thơ mong manh, trong trẻo mà vĩnh hằng ấy – cõi *Đạo*. Chỉ bằng *Thanh khí*, con người mới đạt đến *Đạo*.

### 3. KẾT LUẬN

Như vậy, đạo và thanh khí là hạt nhân trong quan niệm nghệ thuật của nhóm Xuân Thu nhã tập. Nó có liên quan với quan niệm về Đạo của tư tưởng phương Đông. Bài viết này đã tìm hiểu khái niệm Đạo và thanh khí của nhóm xuân thu nhã tập trong liên hệ với hai một phạm trù này theo quan điểm của văn hoá, tư tưởng phương Đông. Những liên hệ này đã giúp bài viết khẳng định rằng đạo và thanh khí trong Xuân Thu nhã tập có sự tiếp thu các khái niệm Đạo và Khí của triết học phương Đông, đặc biệt là Trung Quốc trên phương diện nội dung khái quát và cách thức diễn đạt. Hai khái niệm này là hiện thân cho xu hướng tôn thờ thơ thuần túy, tinh khiết của nhóm và sự đề cao đối với vai trò của trực giác, tiềm thức đối với sáng tác thơ ca.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Bao, *Xuân Thu nhã tập, một hướng tìm về dân tộc*, TCVH 10/ 1994.
2. Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, NXB Phổ Thông, H, 1957.
3. Nguyễn Tấn Đắc, *Văn hoá Án Độ*, NXN Thành phố Hồ Chí Minh, 2000.
4. Phan Cự Đệ, *Phong trào "Thơ mới" 1932 - 1945*, NXB Khoa học Xã hội, H, 1982.
5. I. X. Lixêvich, *Tư tưởng văn học cổ Trung Quốc*, NXB Giáo dục, H, 2000.
6. Jean Chevalier và Alain Cheerbrant, *Từ điển biểu tượng văn hoá thế giới*, NXB Đà Nẵng, 1997.
7. Văn Giá, *Hiểu thêm về quan niệm thơ của nhóm "Xuân Thu nhã tập" 1996*  
<http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/nghien-cuu/v%C4%83n-h%E1%BB%8Dc-vi%E1%BB%87t-nam/1386-hiu-them-v-quan-nim-th-ca-nhom-qxuan-thu-nha-tpq.html>
8. Bửu Kế *Từ điển Hán Việt từ nguyên*, NXB Thuận Hoá, 1999.
9. Lục Lưu. *Khí đạo*, NXB Cà Mau, 1997.
10. Đặng Thị Hương Lý, *Góp phần tìm hiểu Xuân Thu nhã tập*, Khoá luận, ĐHSP, 2003
11. Nohire Munehiro, *Một số đặc trưng về tinh thần tiên phong của nhóm Xuân Thu nhã tập*, Tạp chí văn học, số 10, 1997.
12. Trần Huyền Sâm, *Một số vấn đề Xuân Thu nhã tập*, *Tạp chí Sông Hương* số 207 tháng 5-2006.
13. Chu Văn Sơn *Ba đỉnh cao Thơ mới Xuân Diệu - Nguyễn Bính - Hàn Mặc Tử*, NXB Giáo dục, H, 2003.
14. Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, H, 1998.
15. Theodore M. Ludwig, *Những con đường tâm linh phương Đông*, NXB Văn hoá Thông tin, H, 2000.
16. *Từ điển triết học*, NXB tiến bộ Mát - xơ - va, 1986.
17. *Từ điển văn hoá cổ truyền Trung Hoa*, NXB Văn hoá thông tin, H, 2001.

18. Kim Cương Từ *Từ điển Phật học Hán Việt*, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Phân viện nghiên cứu Phật học, H, 1994.
19. Lao Tử, Thịnh Lê *Từ điển bách khoa Nho, Phật, Đạo*, NXB Văn học, H, 2001.
20. Nguyễn Đỗ Cung, Xuân Thu nhã tập, NXB Văn học, H, 1991.

## TAO AND QING QI IN XUAN THU NHA TAP

*Do Thi Cam Nhung, Pham Phuong Chi*

**Abstract:** “Xuan Thu nha tap” group’s perspectives of “Tao” and “Qing Qi” embody its view of writing. This paper explores the concepts of Tao and Qing Qi of “Xuan Thu nha tap” in relation to these two categories in Eastern culture and thought and in reference to Xuan Thu nha tap’s poetic and theoretical writing. Accordingly, this paper argues that “Xuan Thu nha tap” assimilates the concepts of Tao and Qi of Eastern philosophy, especially Chinese, in terms of contents and expressions. The purpose of this assimilation is to emphasize the group’s tendency of worship the pure poetry and of highlighting the role of intuition and subconscious mind in poetic composition. “Color of Time” embodies the group’s perspective and practice of “Tao” and “Qing Qi”.

**Keywords:** Tao, Qing Qi, Xuan Thu nha tap, Color of Time

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 26-01-2024; ngày phản biện đánh giá: 18-02-2024; ngày chấp nhận đăng: 20-3-2024)